

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 127/2020/HNGĐ-ST.

Ngày 05- 8 - 2020.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Hồng Thái.

Bà Vũ Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thanh Hiếu - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Vũ Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở TAND huyện Trực Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 40/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị H - Sinh năm: 1984

Địa chỉ: Xóm 5, thôn D, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Trần Văn T - Sinh năm: 1979

Địa chỉ: Thôn 14, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: chị H có mặt, anh T có mặt trong quá trình xét xử, vắng mặt khi tuyên án không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 12/02/2020, bản tự khai, nguyên đơn là chị Trần Thị H trình bày:

Chị và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn ngày 31 tháng 10 năm 2002 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống bình thường, hạnh phúc nhưng ba năm trở lại đây, vợ chồng chị thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm sống. Chị đã bỏ về nhà bố

mẹ đẻ ở xã T từ tháng 7 năm 2019 và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên đề nghị TAND huyện Trục Ninh giải quyết cho chị ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung là Trần Duy P, sinh ngày 27/02/2005, Trần Thanh X, sinh ngày 10/8/2007 và Trần Việt H, sinh ngày 23/3/2012. Hiện nay cả ba con chung đều đang ở với anh T. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung là Trần Thanh X, sinh ngày 10/8/2007 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai ngày 29/6/2020, bị đơn là anh Trần Văn T trình bày:

Anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh về việc chị Trần Thị H có đơn xin ly hôn đối với anh. Vì lý do công việc và anh không đồng ý ly hôn nên anh không đến Tòa án để làm việc.

Về thời gian, điều kiện kết hôn như chị H trình bày. Về tình cảm, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái nên anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung, vợ chồng anh có ba con chung là Trần Duy P, sinh ngày 27/02/2005, Trần Thanh X, sinh ngày 10/8/2007 và Trần Việt H, sinh ngày 23/3/2012. Hiện nay cả ba con chung đều đang ở với anh. Anh đề nghị sẽ bàn bạc lại với chị H về vấn đề con chung.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Chị H vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn với anh T. Về con chung, chị H đồng ý để anh T nuôi dưỡng cả ba con chung của vợ chồng. Về tài sản chung, công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Anh T giữ nguyên quan điểm không đồng ý ly hôn. Nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cả ba con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Về tài sản chung, công nợ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán và HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định về quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS;

Bị đơn mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng nhiều lần không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho

yêu cầu của mình là vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Về nội dung:

Xét thấy vợ chồng chị H, anh T đã sống ly thân từ lâu, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình:

- Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T.

- Về con chung: Chấp nhận yêu cầu về con chung của anh Trần Văn T. Giao cho anh T có trách nhiệm nuôi dưỡng cả 3 con chung của vợ chồng là Trần Thanh X, sinh ngày 10/8/2007; Trần Duy P, sinh ngày 27/02/2005 và Trần Việt H, sinh ngày 23/3/2012. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Trần Văn T về việc không yêu cầu chị Trần Thị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng cho anh Trần Văn T nhưng anh T nhiều lần không có mặt để hòa giải và không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là vi phạm quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Trần Thị H và anh Trần Văn T kết hôn ngày 31 tháng 10 năm 2002 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Nam Định, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống bình thường đến ba năm trở lại đây vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2019.

Sau khi chị H có đơn khởi kiện xin ly hôn, TAND huyện Trực Ninh đã thông báo nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị H cho anh T biết và nhiều lần thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và yêu cầu xuất trình chứng cứ đối với anh Trần Văn T nhưng anh T nhiều lần vắng mặt và không thực hiện không có lý do. Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 29/6/2020, anh T đã trình bày: Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con nên anh không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Theo đề nghị của anh T, ngày 06/7/2020, Tòa án tiếp tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chỉ có chị H có mặt, anh T vẫn vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị H và anh T đã phát sinh mâu thuẫn từ lâu, tình cảm vợ chồng không còn. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn anh T. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị H có đơn đề nghị Tòa án cho vợ chồng một thời gian để hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên tiếp tục có đơn đề nghị ly hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích của hôn nhân không đạt được, không thể đoàn tụ, việc chị H xin ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình chuẩn bị xét xử, chị H có đề nghị được nuôi con chung là Trần Thanh X, sinh ngày 10/8/2007 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tại phiên tòa, anh T trình bày nếu chị H vẫn cương quyết ly hôn thì anh nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cả ba con chung của vợ chồng và không yêu cầu chị H cấp dưỡng. Chị H nhất trí. HĐXX thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái pháp luật cũng như đạo đức xã hội, mặt khác qua xác minh tại địa phương và trình bày của anh T tại phiên tòa về điều kiện nuôi dưỡng con chung nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Đương sự không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao cho anh Trần Văn T có trách nhiệm nuôi dưỡng cả ba con chung là Trần Thanh X, sinh ngày 10/8/2007; Trần Duy P, sinh ngày 27/02/2005 và Trần Việt H, sinh ngày 23/3/2012. Chấp nhận việc anh T không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung.

Hiện cả ba con chung là Trần Duy P, Trần Thanh X, Trần Việt H đều đang ở với anh T. Chị Trần Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Án phí: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Được trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị H đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0001358 ngày 24/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Chị H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Trần Thị H, anh Trần Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trực Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trực Ninh;
- UBND xã T, huyện T;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà